

DANH SÁCH ĐỊA BÀN HỌC SINH KHÔNG THỂ ĐI ĐẾN TRƯỜNG VÀ TRỞ VỀ NHÀ TRONG NGÀY NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 17/9/2025 của UBND xã Thụy Hùng)

TT	Xã trước sáp nhập	Khu vực (xã/thôn)	Tên trường (điểm trường)	Số km	Diễn giải đối với các thôn dưới 4 km đối với cấp Tiểu học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Xã Thụy Hùng (Xã Thanh Long cũ)	I				
1.1	Thôn Còn Bó		Trường Tiểu học xã Thanh Long (Trường chính)	4,5		
1.2	Thôn Pá Chí		Trường Tiểu học xã Thanh Long (Trường chính)	5,7		
1,3	Thôn Pàn Phước		Trường Tiểu học xã Thanh Long (Trường chính)	4		
			Trường Tiểu học xã Thanh Long (điểm Pò Hén)	2	Qua ngầm tràn Bản Cầu hay ngập lụt không có cầu	
1.4	Thôn Nà Phân	ĐBKK	Trường Tiểu học xã Thanh Long (Trường chính)	6,5		
			Trường Tiểu học xã Thanh Long (Pò Hén)	4,38		
1.5	Thôn Nà Vạc	ĐBKK	Trường Tiểu học xã Thanh Long (Trường chính)	6,12		
			Trường Tiểu học xã Thanh Long (Điểm Pò Hén)	4		

1.6	Thôn Khau Slung		Trường Tiểu học xã Thanh Long (Trường chính)	6,92		
			Trường Tiểu học xã Thanh Long (Điểm Pò Hén)	6,4		
1.7	Thôn Nà Liền		Trường Tiểu học xã Thanh Long (Trường chính)	4,7	Từ điểm trường chính đến hộ bà Đàm Thị Niềm 4km	
1.8	Thôn Bản Ánh		Trường Tiểu học xã Thanh Long (Trường chính)	5	Từ điểm trường chính đến hộ bà Phù Thị Xuyên 4km	
1.9	Thôn Bản Cẩu		Trường Tiểu học xã Thanh Long (Trường chính)	4		
		Xóm Pàn Chàng	Trường Tiểu học xã Thanh Long (Điểm Pò Hén)	1,5	Qua ngầm tràn Bản Cẩu thường xuyên ngập lụt	
		Xóm Pác Cầm	Trường Tiểu học xã Thanh Long (Điểm Pò Hén)	1,3	Qua suối Pác Cầm cầu dân sinh thường xuyên ngập	
1.10	Thôn Đàng Van	Xóm Nà Han	Trường Tiểu học xã Thanh Long (Trường chính)	1,4	Qua ngầm Nà Han thường xuyên ngập lụt	
		Xóm Nà Háy	Trường Tiểu học xã Thanh Long (Trường chính)	0,7	Qua suối Nà Háy không có cầu, thường xuyên ngập lụt	
2	Xã Thụy Hùng (Xã Trùng Khánh cũ)	I				
2.1	Thôn Nà Tổng		Trường TH&THCS Trùng Khánh (Trường chính)	4,0	Xóm Mè Cầu: 4,0km tính từ hộ nhà Hà Thị Trọng tới trường chính	
				5,0	Xóm Đông Báu: 5,0km tính từ hộ nhà Ông Hà Văn Cáo tới trường chính	
				6,2	Xóm Nà Tổng: 6,2km tính từ hộ nhà Bà Vy Thị Cươi tới trường chính	
				6,3	Xóm Kéo Phai: 6,3km tính từ hộ nhà Ông Dương Văn Ly tới trường chính	
				7,1	Xóm Kéo Dào: 7,1km tính từ hộ nhà Bà Lương Thị Duyên tới trường chính.	
				8,1	Xóm Nà Nà Lặng (Nà Tổng 2): 8,1km tính từ hộ nhà Ông Nông Văn Thành tới trường chính	
				8,5	Xóm Nà Deng: 8,5km tính từ hộ nhà Ông Lê Văn Dụ tới trường chính	
2.2	Thôn Pá Tấp		Trường TH&THCS Trùng Khánh (Điểm trường Bản Pên)	3,8	Cuối thôn Pá Tấp: 4,5km tính từ nhà Bà Hoàng Thị Huệ đến điểm trường Bản Pên	
2.3	Thôn Pò Hà		Trường TH&THCS Trùng Khánh (Điểm trường Bản Pên)	4,3		

3	Xã Thụy Hùng (Xã Thụy Hùng cũ)	III				
3.1	Thôn Còn Ngòi	ĐBK	TH&THCS xã Thụy Hùng	4	Xóm Còn Lịt: 4 Km tính từ hộ ông Hứa Văn Quân đến trường;	
				4,6	Xóm Pò Lục: 4,6 Km tính từ hộ ông Nông Văn Phú đến trường;	
				4,2	Xóm Ha Thông: 4,2 Km tính từ hộ ông Hứa Văn Nam đến trường;	
				4,5	Xóm Phiêng Bay: 4,5 Km tính từ hộ ông Hứa Văn Bảy đến trường qua đường đất, qua đồi núi trơn trượt;	
				4,3	Xóm Pò Nim: 4,3 Km tính từ hộ ông Hứa Văn Phình đến trường;	
				4,5	Xóm Pò Mu: 4,5 Km tính từ hộ ông Nông Văn Dương đến trường;	
				4,5	Xóm Khuổi Ký: 4,5 Km tính từ hộ ông Hứa Văn Vững đến trường qua sườn đồi đường trơn trượt, sạt lở;	
				4,6	Xóm Phai Sọc: 4,6 Km tính từ hộ ông Lâm Văn Quán đến trường qua khe suối Phai Sọc không có cầu, qua sườn đồi trơn trượt;	
				6	Xóm Phiêng Giào: 6,0 Km tính từ nhà ông Lương Văn Hành đến trường qua suối Phiêng Giào không có cầu, qua sườn đồi Nà Mồi đường trơn, trượt.	
3.2	Thôn Pác Cáy	ĐBK	TH&THCS xã Thụy Hùng	5,7	Xóm Nà Luông, thôn Nà So - Nà Luông: 5,7 km tính từ hộ bà Hà Thị Khoa đến trường.	
				1,7	Xóm Pò Lìn Mạ: 1,7 Km từ hộ ông Hà Văn Quyết đến trường đi qua suối Cốc Cại không có cầu, đường trơn trượt, sạt lở.	
				5,5	Xóm Khâm Mương, thôn Na Hình: 5,5 Km từ hộ ông Đàm Văn Thoại đến trường.	
					Xóm Khau Slin: 1,9 Km từ hộ ông Nông Văn Trọng đến trường đi qua đường sườn đồi Cốc Cúm trơn trượt, sạt lở;	

				7,0	Làng Thanh niên lập nghiệp: 7,0 Km tính từ hộ ông Luân Văn Hương đến trường	
3.3	Thôn Bản Tả	ĐBKK	TH&THCS xã Thụy Hùng	7,1	Xóm Tầu Đồn 1,7 Km tính từ hộ ông Bế Văn Đồng đến trường qua suối Tầu Đồn không cầu đường trơn trượt;	
				3,6	Xóm Mu Pải: 3,6 Km tính từ hộ bà Lăng Thị Bay đến trường qua suối Mu Pải không cầu;	
				1,5	Xóm Pác Tả: 1,5 Km tính từ hộ ông Lô Văn Chấn đến trường qua suối Pác Tả không cầu;	
				4,1	Xóm Khuổi Phầy: 4,1 Km tính từ hộ ông Bế Văn Hiến đến trường qua sườn đồi Khuổi Phầy trơn trượt;	
				7	Làng Thanh niên lập nghiệp: 7,0 Km tính từ hộ ông Hứa văn Quyền đến trường	
3.4	Thôn Cúc Lùng	ĐBKK	TH&THCS xã Thụy Hùng	4,3	Xóm Kéo Sléc, Pàn Lại: 4,3 Km tính từ hộ ông Lộc Văn Sli đến trường;	
				4,6	Xóm Khuổi Thâm: 4,6 Km tính từ hộ ông Luân Văn Nam đến trường;	
				4,5	Xóm Thâm Pảng: 4,5 Km tính từ hộ ông Lộc Văn Thức đến trường;	
				5,1	Xóm Cốc Đứa: 5,1 Km tính từ hộ ông Vy Văn Hiến đến trường;	
				4,6	Xóm Pò Toọc: 4,6 Km tính từ hộ ông Lộc Minh Đoàn đến trường qua sườn đồi trơn trượt, sạt lở;	
				2,5	Xóm Thâm Mù: 2,5 Km qua suối Tó U không cầu tính từ hộ ông Lộc Văn Cương đến trường;	
				7	Làng Thanh niên lập nghiệp 7 Km tính từ hộ ông Luân Văn Hương đến trường.	
3.5	Thôn Bản Mới	ĐBKK	TH&THCS xã Thụy Hùng	6,8		
3.6	Thôn Na Hình	ĐBKK	TH&THCS xã Thụy Hùng	7		
3.7	Thôn Nà So - Nà Luông	ĐBKK	TH&THCS xã Thụy Hùng	5,9		

3,8	Xã Văn Lãng (Xã Thành Hòa cũ) Thôn Pác Ca	III	TH&THCS xã Thụy Hùng	25	Làng Thanh niên lập nghiệp 7 Km tính từ hộ ông Luân Văn Hường đến trường.	
-----	---	-----	----------------------	----	---	--

DANH SÁCH ĐỊA BÀN HỌC SINH KHÔNG THỂ ĐI ĐẾN TRƯỜNG VÀ TRỞ VỀ NHÀ TRONG NGÀY (CẤP THCS) NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 17/9/2025 của UBND xã Thụy Hùng)

TT	Xã trước sáp nhập	Khu vực (xã/ thôn)	Tên trường	Số km	Diễn giải (đối với việc mô tả các khu vực trong thôn có khoảng cách khác nhau hoặc mô tả đối với những thôn có khoảng cách nhỏ hơn quy định)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Xã Thụy Hùng (Xã Thanh Long cũ)	I				
1.1	Thôn Nà Phán	ĐBKK	Trường THCS xã Thanh Long	6,5	Điểm xa nhất đến trường là 6,5km, tính từ nhà ông Nông Văn Cường đi qua khu vực ngằm tràn Bản Cầu mưa to nước ngập không đi lại được và qua 2 điểm sạt lở liên tiếp nhau cách điểm đầu thôn Pàn Phước khoảng 600m tính từ nhà hộ Lương Viết Vang.	
1.2	Thôn Nà Vạc	ĐBKK	Trường THCS xã Thanh Long	8,5	Điểm xa nhất đến trường là 8,5km tính từ nhà ông Dương Văn Ke	
1.3	Thôn Còn Bó		Trường THCS xã Thanh Long	7,5	Điểm xa nhất đến trường là 7,5km tính từ nhà ông Nông Văn Hùng	
1.4	Thôn Pá Chí		Trường THCS xã Thanh Long	7,5	Điểm xa nhất đến trường là 7,5km tính từ nhà ông Trương Xuân Sướng đi qua cống nhỏ, đường đi sát bờ suối nhỏ gần nhà ông Ngô Phương Lâm và ông Ngô Quang Hà khi mưa to nước tràn qua đường và vào nhà dân, không đi lại được	
1.5	Thôn Pàn Phước		Trường THCS xã Thanh Long	7,5	Điểm xa nhất đến trường là 7,5km tính từ nhà bà Hoàng Thị Eng đi qua ngằm tràn Pàn Phước và ngằm tràn Bản Cầu mưa to nước ngập không thể đi lại được, có 01 đoạn sạt lở cách ngằm tràn Bản Cầu 100m	
1.6	Thôn Khau Slung		Trường THCS xã Thanh Long	8,5	Điểm xa nhất là 8,5km tính từ nhà ông Lộc Văn Dìn	
1.7	Thôn Bản Cầu		Trường THCS xã Thanh Long	5,4	Điểm xa nhất đến trường là 5,4km tính từ nhà ông Hoàng Văn Độ thuộc xóm Pác Tạng, thôn Bản Cầu, đi qua ngằm Bản Cầu, xóm Pác Cầm mưa to ngập cầu dân sinh không qua được.	

TT	Xã trước sáp nhập	Khu vực (xã/ thôn)	Tên trường	Số km	Diễn giải (đối với việc mô tả các khu vực trong thôn có khoảng cách khác nhau hoặc mô tả đối với những thôn có khoảng cách nhỏ hơn quy định)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.8	Thôn Đàng Van		Trường THCS xã Thanh Long	1,2	Xóm Nà Han: Điểm xa nhất đến trường 1,2km tính từ nhà ông Hoàng Văn Đương, đi qua đoạn suối Nà Po có ngầm tràn mưa to nước lên cao không qua được.	
				0,7	Xóm Nà Háy : Điểm xa nhất đến trường 0,7km từ nhà ông Nông Văn Hiền qua suối Nà Háy không có cầu, thường xuyên ngập lụt	
				2,1	Xóm Nà Poao: Điểm xa nhất đến trường 2,1km từ nhà ông Hoàng Đức Xuân qua suối Nà Poao mưa to thường xuyên ngập lụt	
				2	Xóm Co Năm: Điểm xa nhất đến trường 2km từ nhà ông Hoàng Đức Nghĩa qua suối Co Năm mưa to thường xuyên ngập lụt	
1.9	Thôn Nà Liền		Trường THCS xã Thanh Long	4,7	Điểm xa nhất đến trường là 4,7km tính từ nhà ông Lục Kí Lùng qua suối Tầu Tát mưa lớn nước suối lên cao không đi lại được	
1.10	Thôn Bản Ảnh		Trường THCS xã Thanh Long	3,5	Xóm Tăng Cạo (Cũ): Điểm xa nhất đến trường 3,5km từ nhà ông Triệu Viết Lý qua ngầm Nặm Soong mưa to thường xuyên ngập lụt.	
				3,2	Xóm Tăng Cạo (Cũ): Điểm xa nhất đến trường 3,2km qua ngầm Nà Tàu mưa to thường xuyên ngập lụt.	
				4	Xóm Nà Mẩn: Điểm xa nhất đến trường 4km từ hộ ông Hoàng Văn Quyết qua ngầm Nà Mẩn mưa to thường xuyên ngập lụt.	
				3,9	Xóm Nà Mẩn: Điểm xa nhất đến trường 3,9km từ hộ bà Hoàng Thị Lâm qua ngầm Nà Mẩn mưa to thường xuyên ngập lụt.	
				3,7	Xóm Pắc Slùng: Điểm xa nhất đến trường 3,7km từ hộ ông Triệu Văn Niệm qua ngầm Pắc Slùng mưa to thường xuyên ngập lụt.	
				3	Xóm Nà Lịn: Điểm xa nhất đến trường 3km từ hộ ông Trần Văn Ten qua ngầm Nà Lịn mưa to thường xuyên ngập lụt.	

TT	Xã trước sáp nhập	Khu vực (xã/ thôn)	Tên trường	Số km	Diễn giải (đối với việc mô tả các khu vực trong thôn có khoảng cách khác nhau hoặc mô tả đối với những thôn có khoảng cách nhỏ hơn quy định)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.11	Thôn Pác Cú		Trường THCS xã Thanh Long	6	Xóm Nà Van: Điểm xa nhất đến trường 6km, tính từ hộ ông Lưu Văn Sĩ qua ngầm tràn Nà So mưa lớn nước lên cao không đi lại được;	
				1,5	Xóm Nà Soong: Điểm xa nhất từ trường là 1,5km tính nhà ông Phan Văn Nấn qua đập ngầm tràn Nà Soong;	
				3	Xóm Nà Pục : Điểm xa nhất từ trường là 3km tính từ hộ Hoàng Minh Cường đi qua Suối Nà Pục mưa lớn nước lên cao không đi lại được;	
2	Xã Thụy Hùng (Xã Trùng Khánh cũ)	I				
2.1	Thôn Nà Tổng		Trường TH&THCS Trùng Khánh (Trường Chính)	6,7	Xóm Nà Tổng: 6,7km tính từ hộ nhà Ông Lê Văn Tuấn tới trường chính phải qua Suối, ngầm tràn không có cầu	
				7,1	Xóm Kéo Dào: 7,1km tính từ hộ nhà Bà Lương Thị Duyên tới trường chính	
				8,1	Xóm Nà Lặng: 8,1km tính từ hộ nhà Ông Nông Văn Thành tới trường chính	
				8,5	Xóm Nà Deng: 8,5km tính từ hộ nhà Ông Lê Văn Dụ tới trường chính	
2.2	Thôn Pá Tấp		Trường TH&THCS Trùng Khánh (Trường Chính)	7,8		
2.3	Thôn Bản Châu		Trường TH&THCS Trùng Khánh (Trường Chính)	6,0	Từ xóm Kéo Lặng: 6,0km tính từ hộ nhà Ông Nông Văn Con đến trường chính phải qua ngầm tràn Bản Pén không có cầu thường xuyên bị ngập lụt. Xóm Chang Đòong: 5,5km tính từ hộ nhà Ông Hà Văn Hiến đến trường chính phải qua ngầm tràn Bản Pén không có cầu thường xuyên bị ngập lụt	

TT	Xã trước sáp nhập	Khu vực (xã/ thôn)	Tên trường	Số km	Diễn giải (đối với việc mô tả các khu vực trong thôn có khoảng cách khác nhau hoặc mô tả đối với những thôn có khoảng cách nhỏ hơn quy định)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
					Xóm Cốc Pục: 6,1km tính từ hộ ông Phùng Văn Vinh tới trường chính phải qua ngầm tràn Bản Pên không có cầu, thường xuyên bị ngập lụt.	
2,3	Thôn Pò Hà		Trường TH&THCS Trùng Khánh (Trường Chính)	8,0		
2,4	Thôn Bản Pên		Trường TH&THCS Trùng Khánh (Trường Chính)	4,3	Từ Nà Khung: 4,3km tính từ hộ nhà Bà Mông Thị Hiếu đến trường chính phải qua ngầm tràn Bản Pên không có cầu thường xuyên bị ngập lụt.	
				2,5	Từ xóm Co Dầm: 2,5km tính từ hộ nhà Ông Hà Văn Thường đến trường chính không qua ngầm tràn Bản Pên	
				2,5	Từ Xóm Pác Cáp: 2,5km tính từ nhà hộ Bà Mông Thị Linh tới trường chính phải qua ngầm tràn Bản Pên không có cầu thường xuyên bị ngập lụt	
				3,5	Từ xóm Còn Mới: 3,5km tính từ hộ nhà Bà Hà Hồng Luyện đến trường chính phải qua ngầm tràn Bản Pên không có cầu thường xuyên bị ngập lụt	
2,5	Thôn Khuổi Chang		Trường TH&THCS Trùng Khánh (Trường Chính)	4,8	Từ xóm Bó Bay: 4,8km tính từ hộ nhà Bà Lương Thị Oanh tới trường chính phải qua ngầm tràn Bản Pên không có cầu, thường xuyên bị ngập lụt	
				3,5	Từ xóm Kéo Tó: 3,5km tính từ hộ nhà Ông Nông Thế Cường tới trường chính phải qua ngầm tràn Bản Pên không có cầu, thường xuyên bị ngập lụt	
				4,3	Từ xóm Còn Tả: 4,3km tính từ hộ nhà Mông Văn Cường tới trường chính phải qua ngầm tràn Bản Pên không có cầu thường xuyên bị ngập lụt	
				4,3	Xóm Mu Nầu: 4,3km tính từ nhà Ông Nông Văn Thuận tới trường chính phải qua ngầm tràn Bản Pên không có cầu, thường xuyên bị ngập lụt	

TT	Xã trước sáp nhập	Khu vực (xã/ thôn)	Tên trường	Số km	Diễn giải (đối với việc mô tả các khu vực trong thôn có khoảng cách khác nhau hoặc mô tả đối với những thôn có khoảng cách nhỏ hơn quy định)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				4,1	Xóm Pò Đồn: 4,1km tính từ hộ nhà Ông Hà Văn Minh tới trường chính phải qua ngầm tràn Bản Pên không có cầu, thường xuyên bị ngập lụt	
				4,3	Từ xóm Co Phòng: 4,3 km tính từ nhà Bà Vương Thị Hiện đến trường chính phải qua ngầm tràn Bản Pên không có cầu thường xuyên bị ngập lụt	
3	Xã Thụy Hùng (Xã Thụy Hùng cũ)	III				
3,1	Thôn Còn Ngò	ĐBKK	TH&THCS xã Thụy Hùng	4,5	Xóm Khuổi Ký: 4,5 Km tính từ hộ ông Hứa Văn Vững đến trường qua sườn đồi đường trơn trượt, sạt lở;	
				4,6	Xóm Phai Sọc: 4,6 Km tính từ hộ ông Lâm Văn Quân đến trường qua khe suối Phai Sọc không có cầu, qua sườn đồi trơn trượt;	
				6	Xóm Phiêng Giảo: 6,0 Km tính từ nhà ông Lương Văn Hành đến trường qua suối Phiêng Giảo không có cầu, qua sườn đồi Nà Mỏi đường trơn trượt.	
3.2	Thôn Pác Cáy	ĐBKK	TH&THCS xã Thụy Hùng	1,7	Xóm Pò Lìn Mạ: 1,7 Km từ hộ ông Hà Văn Quyết đến trường đi qua suối Cốc Cại không có cầu, đường trơn trượt, sạt lở	
				1,9	Xóm Khau Slin: 1,9 Km từ hộ ông Nông Văn Trọng đến trường đi qua đường sườn đồi Cốc Cúm trơn trượt, sạt lở	
				7	Làng Thanh niên lập nghiệp: 7,0km tính từ hộ ông Luân Văn Hường đến trường.	
				1,7	Xóm Tầu Đồn 1,7 Km tính từ hộ ông Bé Văn Đồng đến trường qua suối Tầu Đồn không cầu đường trơn trượt	
				3,6	Xóm Mu Pải: 3,6 Km tính từ hộ bà Lăng Thị Bay và hộ ông Phù Văn Bắc đến trường qua suối Mu Pải không cầu	

TT	Xã trước sáp nhập	Khu vực (xã/ thôn)	Tên trường	Số km	Diễn giải (đối với việc mô tả các khu vực trong thôn có khoảng cách khác nhau hoặc mô tả đối với những thôn có khoảng cách nhỏ hơn quy định)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.3	Thôn Bản Tả	ĐBKK	TH&THCS xã Thụy Hùng	1,5	Xóm Pác Tả: 1,5 Km tính từ hộ ông Lô Văn Chấn đến trường qua suối Pác Tả không cầu	
				7	Làng Thanh niên lập nghiệp: 7,0 Km tính từ hộ ông Luân Văn Hường đến trường.	
3.4	Thôn Cúc Lùng	ĐBKK	TH&THCS xã Thụy Hùng	4,6	Xóm Pò Toọc: 4,6 Km tính từ hộ ông Lộc Minh Đoàn đến trường qua sườn đồi trơn trượt, sạt lở	
				2,5	Xóm Thâm Mù: 2,5 Km qua suối Tó U không cầu tính từ hộ ông Lộc Văn Cương đến trường	
				7	Làng Thanh niên lập nghiệp: 7 Km tính từ hộ ông Luân Văn Hường đến trường.	
3.5	Thôn Bản Mới	ĐBKK	TH&THCS xã Thụy Hùng	6,2	Xóm Nà Luông: 6,2 Km tính từ hộ ông Lương Văn Đạo đến trường qua đồi dốc trơn trượt, sạt lở	
				5,8	Xóm Nà Kè: 5,8 Km tính từ hộ ông Hà Văn Bộ đến trường qua suối Nà Kè không có cầu	
				5,8	Xóm Pá Danh: 5,8 Km tính từ hộ ông Hoàng Văn Phương đến trường qua suối Thâm Chàng không có cầu	
				6,2	Xóm Thâm Hấu: 6,2 Km tính từ hộ ông Luân Văn Thước qua sườn đồi trơn trượt, qua suối không cầu.	
3,6	Thôn Na Hình	ĐBKK	TH&THCS xã Thụy Hùng	4,7	Xóm Coổng Cầu: 4,7 Km tính từ hộ ông Lương Văn Thành qua khe suối, sườn đồi trơn trượt, sạt lở	
				7	Làng Thanh niên lập nghiệp: 7,0 Km tính từ hộ ông Luân Văn Hường đến trường.	

TT	Xã trước sáp nhập	Khu vực (xã/ thôn)	Tên trường	Số km	Diễn giải (đối với việc mô tả các khu vực trong thôn có khoảng cách khác nhau hoặc mô tả đối với những thôn có khoảng cách nhỏ hơn quy định)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.7	Thôn Nà So - Nà Luông	ĐBKK	TH&THCS xã Thụy Hùng	5,8	Xóm Pò cát: 5,8 Km qua đường đồi thông đường trơn trượt, sạt lở	
				5,5	Xóm Nà Lèo: 5,5 Km tính từ hộ ông Lộc Văn Thụ qua sườn đồi trơn trượt, qua khe suối Pác Tấn không cầu.	
				5,6	Xóm Bó Mu: 5,6 Km qua sườn đồi Khun Slam trơn trượt, sạt lở.	